TIẾP CẬN GIÁO DỤC GIÁ TRỊ VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG MÚA DÂN GIAN CỦA NGƯỜI BAHNAR VÀ JRAI Ở TỈNH GIA LAI

Phan Thị Quyên
Nhà hát Ca múa nhạc tổng hợp Đam San tỉnh Gia Lai
Email: phanquyenvhdlgialai@gmail.com

Tóm tắt: *Trên cơ sở phân tích tài liệu, đối chiếu văn hóa và sử dụng số liệu thứ cấp từ báo cáo khảo sát năm 2025 của Nhà hát Ca múa nhạc tổng hợp Đam San, bài viết làm rõ ý nghĩa giáo dục của hoạt động múa dân gian Bahnar và Jrai ở Gia Lai trong mối quan hệ với không gian diễn xướng, trang phục và đạo cụ. Kết quả phân tích cho thấy sự chuyển dịch từ sinh hoạt cộng đồng sang sân khấu và du lịch vừa mở rộng cơ hội tiếp cận di sản, vừa đặt ra nguy cơ tách hình thức biểu diễn khỏi tri thức về hoàn cảnh và cách thực hành. Bài viết đề xuất các nguyên tắc và quy trình tổ chức hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm có giải thích, tôn trọng sự khác biệt giữa các cộng đồng và bảo đảm vai trò chủ thể của người nắm giữ di sản. Các đề xuất có tính định hướng, chưa được kiểm định bằng thực nghiệm giáo dục.*

Từ khóa: *giáo dục giá trị văn hóa truyền thống; múa dân gian; Bahnar; Jrai; Gia Lai; di sản văn hóa phi vật thể.*

AN APPROACH TO TRADITIONAL CULTURAL VALUE EDUCATION THROUGH FOLK DANCE PRACTICES OF THE BAHNAR AND JRA I IN GIA LAI PROVINCE

Abstract: *Drawing on document analysis, cultural interpretation, and secondary findings from a 2025 survey report by the Dam San Theatre, this article examines the educational significance of Bahnar and Jrai folk dance in Gia Lai in relation to performance settings, costumes, and props. The analysis indicates that the shift from community and ritual settings to stages and tourism venues creates opportunities for wider access while risking a separation of performance forms from the knowledge underlying their practice. The article proposes principles and a staged educational approach based on contextualized experience, sensitivity to differences between communities, and the active involvement of heritage bearers. These proposals are conceptual and have not yet been tested through educational experiments.*

Keywords: *traditional cultural value education; folk dance; Bahnar; Jrai; Gia Lai; intangible cultural heritage.*

Nhận bài: 14/09/2026 Phản biện: 14/10/2026 Duyệt đăng: 20/10/2026

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong đời sống văn hóa của người Bahnar và Jrai ở Gia Lai, múa dân gian hiện diện trong mối quan hệ với cồng chiêng, lễ hội, nghi lễ và sinh hoạt cộng đồng. Vì thế, tiếp cận múa dân gian từ góc độ giáo dục giá trị văn hóa truyền thống cần vượt ra ngoài việc hướng dẫn một chuỗi động tác: người học phải được tiếp cận những điều kiện tạo nên ý nghĩa của hoạt động múa, bao gồm không gian, thời điểm, người tham gia, trang phục, đạo cụ và nhịp điệu. Gia Lai là địa bàn cư trú lâu đời của các cộng đồng Bahnar và Jrai, nơi những hình thức thực hành văn hóa gắn bó với lịch sử và điều kiện sống của khu vực Tây Nguyên (Nguyễn Chí Bền và cộng sự, 1999; Nguyễn Thị Kim Vân, 2019). Sau việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025, tỉnh Gia Lai bao gồm địa bàn Gia Lai và Bình Định trước đây (Quốc hội, 2025). Phạm vi tư liệu được sử dụng trong nghiên cứu này tập trung vào không gian thực hành múa của người Bahnar và Jrai được đề cập trong các nguồn về Gia Lai; kết quả phân tích không đồng nhất hai cộng đồng hoặc suy rộng cho toàn bộ địa giới hành chính mới. Các công trình về địa chí Gia Lai, trang phục truyền thống và phục dựng lễ hội đã cung cấp nền tảng nhận diện những thành tố cấu thành thực hành văn hóa của Bahnar và Jrai (Nguyễn Chí Bền và cộng sự, 1999; Hoàng Thị Thanh Hương, 2022; Trương Thị Thu Thủy, 2023). Tuy vậy, trong phạm vi nguồn được xem xét, mối liên hệ giữa sự biến đổi của không gian diễn xướng, trang phục, đạo cụ với việc tổ chức giáo dục giá trị văn hóa truyền thống chưa được trình bày như một hệ thống thống nhất. Từ đó, bài viết tập trung trả lời ba câu hỏi: hoạt động múa dân gian có ý nghĩa giáo dục nào; sự biến đổi ba thành tố nói trên đặt ra cơ hội và giới hạn gì cho việc trao truyền; và có thể tổ chức hoạt động giáo dục theo những nguyên tắc nào để vừa phát huy di sản vừa tôn trọng chủ thể văn hóa?

II. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Giáo dục giá trị văn hóa truyền thống từ góc nhìn di sản sống

Theo Công ước về bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể, di sản bao gồm những thực hành, biểu đạt,

tri thức, kỹ năng cùng công cụ, hiện vật và không gian văn hóa liên quan được cộng đồng thừa nhận, tái tạo và trao truyền qua các thế hệ (UNESCO, 2003). Smith (2006) cũng nhấn mạnh di sản như quá trình thực hành và kiến tạo ký ức, bản sắc, thay vì một tập hợp đối tượng được bảo quản tách khỏi đời sống. Trong khuôn khổ bài viết, giáo dục giá trị văn hóa truyền thống được hiểu là quá trình giúp người học nhận biết, lý giải, trân trọng và có khả năng tham gia phù hợp vào những thực hành văn hóa do cộng đồng nắm giữ. Đây là khung phân tích được xây dựng từ các luận điểm về di sản sống, không phải thang đo đã được kiểm định bằng điều tra hoặc thực nghiệm giáo dục.

2.2. Múa dân gian trong mối liên hệ với không gian diễn xướng, trang phục và đạo cụ

Không gian diễn xướng trong nghiên cứu được xác định theo địa điểm, thời điểm, chức năng sự kiện, thành phần tham gia và các quy ước thực hành. Vì thế, chuyển một điệu múa sang không gian mới có thể kéo theo thay đổi về thời lượng, quan hệ người múa - người xem và cách diễn giải ý nghĩa. Trang phục và đạo cụ tham gia trực tiếp vào cấu trúc biểu đạt của múa dân gian. Chất liệu dệt, màu sắc, hoa văn, kiểu mặc; cùng khiên, giáo, gùi, nông cụ hay cồng chiêng gắn với kỹ năng chế tác, lao động, sinh hoạt và các hình thức biểu đạt của cộng đồng (Hoàng Thị Thanh Hương, 2022). Đối với hoạt động phục vụ công chúng và khách du lịch, MacCannell (1973) phân tích cách trải nghiệm được dàn dựng để tạo cảm giác xác thực, còn Cohen (1988) xem xét tính xác thực như một quá trình được thương lượng giữa các chủ thể.

2.3. Tư liệu, phạm vi và phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính trên cơ sở phân tích tài liệu và diễn giải văn hóa, kết hợp đối chiếu các hình thức thực hành. Tư liệu chính gồm công trình địa chí, lịch sử Gia Lai, nghiên cứu trang phục, lễ hội và Báo cáo kết quả khảo sát điều tra xã hội học tháng 12/2025 phục vụ đề tài "Sưu tầm, nghiên cứu và phát triển nghệ thuật múa dân gian của dân tộc Bahnar và Jrai tỉnh Gia Lai gắn với phát triển du lịch" của Nhà hát Ca múa nhạc tổng hợp Đam San (2025). Tài liệu hiện có chưa thể hiện đầy đủ cỡ mẫu, cách chọn mẫu và cấu trúc bảng hỏi của báo cáo năm 2025.

III. KẾT QUẢ PHÂN TÍCH: Ý NGHĨA GIÁO DỤC VÀ NHỮNG BIẾN ĐỔI TRONG THỰC HÀNH MÚA DÂN GIAN

3.1. Ý nghĩa của hoạt động múa dân gian trong giáo dục giá trị văn hóa truyền thống của người Bahnar và Jrai

Trước hết, múa dân gian tạo điều kiện để người học nhận biết sự gắn bó giữa nghệ thuật với lịch sử và đời sống cộng đồng. Khi một điệu múa được giới thiệu cùng hoàn cảnh lễ hội, không gian làng, nhịp chiêng và người tham gia, người học có cơ sở nhận diện vì sao hình thức vận động ấy xuất hiện, được duy trì và gắn với một sự kiện nhất định. Thứ hai, hoạt động múa mở ra khả năng giáo dục ý thức gắn kết và trách nhiệm cộng đồng. Trong nhiều hình thức sinh hoạt truyền thống được tư liệu mô tả, âm nhạc, vận động và sự tham gia của nhiều người tạo thành một sự kiện chung, không hoàn toàn phân tách người trình diễn với người quan sát (Trương Thị Thu Thủy, 2023). Thứ ba, múa dân gian là điểm tiếp cận sinh động đối với tri thức thẩm mỹ và kỹ năng thủ công. Trang phục gợi mở việc nhận biết chất liệu, kỹ thuật dệt, màu sắc, hoa văn; đạo cụ gợi mở tri thức chế tác, công năng và kinh nghiệm sử dụng; trong khi chuyển động và nhịp điệu giúp người học quan sát tính liên kết giữa âm thanh, cơ thể và không gian. Thứ tư, hoạt động múa góp phần hình thành thái độ ứng xử với di sản và người nắm giữ di sản. Khi người học biết một phiên bản sân khấu có thể khác với thực hành trong lễ thức, họ được đặt trước câu hỏi về giới hạn cải biên, quyền sử dụng hình ảnh và quyền quyết định của cộng đồng.

Bảng 1. Các thành tố của hoạt động múa dân gian và nội dung giáo dục có thể khai thác

Thành tố	Nội dung giáo dục giá trị văn hóa	Yêu cầu tiếp cận
Không gian và sự kiện diễn xướng	Nhận biết bối cảnh lễ hội, nghi lễ, sinh hoạt cộng đồng; vai trò của người tham gia; ý thức gắn kết.	Giới thiệu địa điểm, thời điểm, chức năng và các quy ước của từng thực hành.
Trang phục và kỹ thuật chế tác	Hiểu bản sắc tạo hình, tri thức dệt, màu sắc, hoa văn và mối liên hệ với đời sống.	Phân biệt đồ truyền thống, sản phẩm cải biên; tôn trọng khác biệt giữa các nhóm.
Đạo cụ và nhịp điệu	Nhận biết tri thức lao động, chế tác, phối hợp âm nhạc - vận động và quy tắc sử dụng.	Giải thích công năng, nguyên mẫu, vai trò của người chế tác và người thực hành.

Nguồn: Tác giả tổng hợp và đề xuất trên cơ sở phân tích tài liệu.

3.2. Sự chuyển dịch không gian diễn xướng và khả năng trao truyền bối cảnh văn hóa

Tư liệu về đời sống truyền thống của Bahnar và Jrai nhắc đến nhà rông, sân làng, bến nước và khu nhà mả như những không gian gắn với hoạt động cộng đồng. Song song với thực hành tại làng, sân khấu, hội diễn và điểm du lịch tạo nên các không gian xuất hiện mới của múa dân gian. Vì vậy, giới thiệu tiết mục trên sân khấu cần kết hợp thông tin về nguồn gốc, vai trò cộng đồng và những yếu tố đã được điều chỉnh so với cách thực hành tại địa phương. Báo cáo khảo sát năm 2025 ghi nhận 76% ý kiến đánh giá việc bảo tồn múa trong lễ hội, sinh hoạt và không gian thực hành phù hợp là "rất cần thiết", 19% là "cần thiết" (Nhà hát Ca múa nhạc tổng hợp Đam San, 2025). Các tỷ lệ phản ánh nhận định về nhu cầu bảo tồn, không đo trực tiếp mức độ biến mất của không gian truyền thống.

3.3. Biến đổi trang phục và việc giáo dục tri thức về bản sắc, kỹ năng thủ công

Trang phục là một thành tố thị giác quan trọng trong hoạt động múa dân gian của Bahnar và Jrai, thể hiện qua khố, áo, tấm choàng, váy quấn, áo chui đầu và một số hình thức trang sức. Tuy nhiên, cùng một gam màu hay mô-típ không có nghĩa giống nhau ở mọi nhóm địa phương; bởi vậy, nội dung giáo dục cần đi từ mẫu trang phục và người sử dụng cụ thể, tránh diễn giải mang tính khái quát tuyệt đối. Bên cạnh đồ dệt thủ công, nhiều hình thức sử dụng hiện nay có thể kết hợp vải công nghiệp, chỉ sản xuất sẵn hoặc chi tiết trang trí bằng vật liệu tổng hợp. Nếu hoạt động giáo dục chỉ giới thiệu hình thức trang phục hoàn chỉnh, người học dễ bỏ qua tri thức lao động và kỹ năng thủ công ẩn sau sản phẩm. Báo cáo khảo sát năm 2025 ghi nhận 76% ý kiến cho rằng yếu tố truyền thống của trang phục vẫn được giữ gìn và 21% ghi nhận sự biến đổi rõ rệt (Nhà hát Ca múa nhạc tổng hợp Đam San, 2025). Đây là đánh giá của người trả lời, không phải kiểm kê số lượng bộ trang phục truyền thống. Các ý kiến cho thấy cần phân biệt hai câu hỏi khi tổ chức giáo dục: người học có nhận ra đặc điểm tạo hình hay không, và có hiểu được người làm ra trang phục, phương thức chế tác, bối cảnh sử dụng hay không.

3.4. Đạo cụ, cồng chiêng và việc nhận biết tri thức văn hóa trong vận động

Cồng chiêng, khiên, giáo, gùi và một số nông cụ được ghi nhận trong thực hành múa dân gian như những yếu tố liên hệ với nhịp điệu, vận động, lao động và sinh hoạt. Trong tiếp cận giáo dục, đạo cụ vì vậy cần được giới thiệu với tư cách một đối tượng chứa tri thức chế tác và sử dụng, đồng thời là thành phần của hoạt động biểu đạt. Ở môi trường sân khấu, yêu cầu an toàn và vận chuyển có thể dẫn đến việc sử dụng đạo cụ nhẹ hơn, bền hơn hoặc mô phỏng nguyên mẫu. Cách điều chỉnh này không mặc nhiên làm mất giá trị giáo dục; một mô hình đạo cụ có thể hữu ích nếu người hướng dẫn giải thích được nguồn gốc, điểm khác biệt và lý do thay thế. Tương tự, việc sử dụng âm thanh ghi sẵn thay cho tương tác trực tiếp với người đánh cồng chiêng có thể làm thay đổi trải nghiệm giữa nhịp điệu và người múa. Điều quan trọng không phải bác bỏ phương tiện kỹ thuật, mà là làm rõ phần tri thức có nguy cơ bị che khuất khi đổi cách trình diễn.

3.5. Những điều kiện và thách thức đối với việc giáo dục qua hoạt động múa dân gian

Sự thay đổi hạ tầng, sinh kế, thời gian lao động và nhu cầu thưởng thức có thể ảnh hưởng đến cơ hội sinh hoạt văn hóa thường xuyên. Tác động không chỉ theo một chiều: cơ hội giới thiệu di sản được mở rộng nhưng kiến thức về bối cảnh, kỹ năng chế tác và quy ước cộng đồng có thể bị giản lược nếu sản phẩm biểu diễn được coi là nội dung giáo dục duy nhất. Báo cáo khảo sát năm 2025 ghi nhận 48% ý kiến cho rằng ít người am hiểu múa dân gian và 36% cho rằng thiếu người truyền dạy (Nhà hát Ca múa nhạc tổng hợp Đam San, 2025). Đây là những mối quan ngại được nêu trong khảo sát, không phải thống kê trực tiếp số lượng nghệ nhân hoặc kết luận về khả năng truyền dạy của từng địa phương. Một thách thức khác là xác định ranh giới giữa việc giáo dục về di sản và việc công khai các nội dung có tính nghi lễ. Không phải mọi động tác, không gian hoặc vật dụng đều phù hợp để tái hiện trong môi trường học đường hoặc du lịch.

IV. BÀN LUẬN VÀ ĐỊNH HƯỚNG TỔ CHỨC GIÁO DỤC GIÁ TRỊ VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG

4.1. Nguyên tắc tiếp cận hoạt động múa dân gian trong giáo dục

Trước hết, việc giáo dục cần lấy bối cảnh văn hóa làm điểm xuất phát, thay vì lựa chọn động tác đẹp mắt rồi gán nội dung ý nghĩa sau. Cuối cùng, cần bảo đảm vai trò chủ thể của nghệ nhân, người múa, người chế tác trang phục, đạo cụ và cộng đồng liên quan. Những người này không chỉ cung cấp tư liệu mà cần được tham gia lựa chọn nội

dung, xác nhận cách diễn giải và quyết định giới hạn công bố. Khi tổ chức biểu diễn phục vụ giáo dục hoặc du lịch, nên nêu rõ phần được phục dựng, phần mô phỏng hoặc cải biên và lý do điều chỉnh.

4.2. Quy trình gợi ý tổ chức hoạt động giáo dục qua múa dân gian

Từ những kết quả phân tích, có thể đề xuất một quy trình bốn bước, phù hợp để các cơ sở văn hóa, câu lạc bộ hoặc cơ sở giáo dục tham khảo và điều chỉnh theo nhóm người học. Quy trình không được xem là phương pháp đã chứng minh hiệu quả bằng thực nghiệm mà là cấu trúc tổ chức nội dung dựa trên các thành tố văn hóa được nhận diện trong nghiên cứu.

Bảng 2. Khung gợi ý tổ chức và đánh giá hoạt động giáo dục qua múa dân gian

Giai đoạn	Hoạt động học tập trọng tâm	Minh chứng có thể sử dụng
1. Xác lập chủ đề	Chọn thực hành cụ thể; nhận diện nguồn, không gian, người thực hành và giới hạn sử dụng.	Bản mô tả ngắn nguồn tư liệu và câu hỏi tìm hiểu.
2. Quan sát - trải nghiệm	Tìm hiểu động tác, nhịp chiêng, trang phục, đạo cụ với hướng dẫn phù hợp.	Phiếu quan sát, ghi chú về công năng và ý nghĩa.
3. Đối chiếu - diễn giải	So sánh thực hành cộng đồng với phiên bản trình diễn được điều chỉnh.	Bảng đối chiếu những yếu tố giữ nguyên và cải biên.
4. Trình bày - phản tư	Thuyết minh ý nghĩa văn hóa và nguyên tắc ứng xử có trách nhiệm với di sản.	Hồ sơ tư liệu, thuyết minh hoặc nhật ký phản tư.

Nguồn: Tác giả đề xuất từ kết quả phân tích; chưa được kiểm định thực nghiệm

4.3. Kết nối cộng đồng, nhà trường và không gian giới thiệu di sản

Đối với cộng đồng, ưu tiên trước hết là duy trì cơ hội thực hành và trao truyền trong những sinh hoạt còn được duy trì tại địa phương. Báo cáo năm 2025 ghi nhận 78% ý kiến đồng thuận với việc phát triển câu lạc bộ múa dân gian tại cơ sở (Nhà hát Ca múa nhạc tổng hợp Đam San, 2025). Mức đồng thuận này gợi ý về nhu cầu tổ chức, song chưa phản ánh hiệu quả giáo dục thực tế của các câu lạc bộ. Đối với nhà trường, việc đưa múa dân gian vào hoạt động trải nghiệm nên được xây dựng như một chủ đề giáo dục văn hóa có mục tiêu và minh chứng học tập, thay vì một tiết mục văn nghệ minh họa. Báo cáo khảo sát ghi nhận ở cấp tiểu học, 45% ý kiến đánh giá đưa múa dân gian vào giáo dục là "rất khả thi" và 33% là "khả thi" (Nhà hát Ca múa nhạc tổng hợp Đam San, 2025). Đây là ý kiến đánh giá dự kiến, không phải kết quả thử nghiệm chương trình trong nhà trường. Đối với bảo tàng, đơn vị biểu diễn và hoạt động du lịch, cần tổ chức phần giới thiệu có ngữ cảnh trước hoặc sau tiết mục: tên gọi, địa bàn, công năng của trang phục, đạo cụ, mức độ điều chỉnh và vai trò người nắm giữ di sản. Báo cáo năm 2025 ghi nhận 87% ý kiến đồng thuận với hướng kết hợp múa cùng các thành tố văn hóa khác để phát triển du lịch. Trong mọi trường hợp, cơ chế phối hợp cần làm rõ quyền quyết định nội dung, quyền sử dụng hình ảnh, thù lao, kinh phí truyền dạy và cách ghi nhận đóng góp của nghệ nhân, người chế tác cùng cộng đồng. Tư liệu hóa cũng cần lưu đồng thời tên gọi địa phương, điều kiện thực hành, nhịp chiêng, động tác, trang phục, đạo cụ và lời giải thích của người cung cấp tri thức.

4.4. Giới hạn nghiên cứu và hướng kiểm chứng

Các nhận định trong bài được hình thành từ phân tích tài liệu và dữ liệu khảo sát thứ cấp, chưa có quan sát lớp học, phỏng vấn bổ sung hoặc đánh giá trước - sau đối với người học. Do vậy, các kết quả chỉ cho phép xác lập nội dung và điều kiện giáo dục có cơ sở lập luận, không khẳng định một quy trình đã cải thiện nhận thức, thái độ hay kỹ năng của người học.

V. KẾT LUẬN

Tiếp cận giáo dục giá trị văn hóa truyền thống thông qua hoạt động múa dân gian của người

Bahnar và Jrai ở Gia Lai đòi hỏi nhận diện điệu múa như một thực hành văn hóa có bối cảnh, chứ không chỉ như một sản phẩm trình diễn. Những giá trị này được thể hiện qua mối liên hệ giữa không gian diễn xướng, trang phục, đạo cụ, nhịp chiêng và người thực hành; không thể tách riêng từng thành tố mà vẫn bảo toàn đầy đủ ý nghĩa văn hóa. Sự mở rộng biểu diễn từ sinh hoạt cộng đồng sang sân khấu và du lịch vừa tạo điều kiện giới thiệu văn hóa vừa làm nổi bật yêu cầu giải thích bối cảnh, phân biệt phiên bản nguyên gốc và cải biên, bảo vệ quyền tham gia của chủ thể di sản. Việc gắn hoạt động giáo dục với cộng đồng nắm giữ di sản là điều kiện quan trọng để giá trị văn hóa truyền thống được tiếp cận một cách có trách nhiệm và tiếp tục được trao truyền trong đời sống đương đại.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Cohen, E. (1988). Authenticity and commoditization in tourism. Annals of Tourism Research, 15(3), 371–386.

Hoàng Thị Thanh Hương. (2022). Trang phục truyền thống các dân tộc thiểu số ở Gia Lai. Nhà xuất bản Đà Nẵng.

MacCannell, D. (1973). Staged authenticity: Arrangements of social space in tourist settings. American Journal of Sociology, 79(3), 589–603.

Nguyễn Chí Bền, Vũ Ngọc Bình, Đào Huy Quyền, & Nguyễn Minh San. (1999). Địa chí Gia Lai. Nhà xuất bản Văn hóa dân tộc.

Nguyễn Thị Kim Vân (Chủ biên). (2019). Lịch sử Gia Lai từ nguồn gốc đến năm 1975. Nhà xuất bản Khoa học xã hội.

Nhà hát Ca múa nhạc tổng hợp Đam San. (2025, tháng 12). Báo cáo kết quả khảo sát điều tra xã hội học phục vụ đề tài "Sưu tầm, nghiên cứu và phát triển nghệ thuật múa dân gian của dân tộc Bahnar và Jrai tỉnh Gia Lai gắn với phát triển du lịch" [Báo cáo khảo sát].

Quốc hội. (2025). Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh.

Smith, L. (2006). Uses of heritage. Routledge.

Trương Thị Thu Thủy. (2023). Nghiên cứu phục dựng một số lễ hội truyền thống của dân tộc Jrai tại tỉnh Gia Lai. Nhà xuất bản Thông tin và Truyền thông.

UNESCO. (2003). Convention for the safeguarding of the intangible cultural heritage. UNESCO.